

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 04/5/2023

*“V/v yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi
con”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ và ông Rcom Blan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái N1 - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gtỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gtỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Làng Dun De, xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Hoàng N1, sinh năm 1988; địa chỉ: Làng Dun De, xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Đinh Hoàng N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai vào ngày 01/9/2020, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung,

cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xô xát, anh N1 thường xuyên đi xa nhà, không quan tâm, chăm sóc vợ con, dù đã cố gắng khắc phục nhưng

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn anh N1.

Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Đinh Hoàng N1 có 01 (một) con chung là cháu Đinh Lê Hoàng Th, sinh ngày 23/12/2021. Hiện tại cháu còn nhỏ và đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 01/9/2020.

Về phía bị đơn anh Đinh Hoàng N1: Kết quả xác minh ngày 23/11/2022 tại Công an xã nơi cư trú của anh N1 thể hiện: Anh Đinh Hoàng N1 đăng ký thường trú và có cư trú tại làng Dun De, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, anh N1 đã bỏ đi khoảng 4, 5 tháng nay, thỉnh thoảng quay về làng Dun De, xã I vài ngày, sau đó lại đi tiếp. Hiện tại không có thông tin gì về việc chuyển khẩu, đăng ký tạm trú nơi khác.

Kết quả xác minh ngày 20/3/2023 về tình trạng hôn nhân của anh N1 và chị N thể hiện: Cho đến thời điểm xác minh, Ủy ban nhân dân xã Ia Bă, không nhận được tài liệu liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng của chị N anh N1. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 6, tháng 7/2022 đến nay thì anh N1 và chị N sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N1, nhưng anh N1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng.

Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Đinh Hoàng N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N, cho chị Lê Thị N ly hôn anh Đinh Hoàng N1.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đinh Lê Hoàng Th cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền: Nguyên đơn Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đinh Hoàng N1, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự:

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Lê Thị N xin ly hôn anh Đinh Hoàng N1 thấy rằng:

Chị N và anh N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện

kết hôn, thực hiện đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị N và anh N1 hợp pháp.

Mục đích của việc kết hôn là nhằm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, chị N và anh N1 sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, do anh N1 thường xuyên vắng nhà, không quan tâm, chăm sóc vợ, con, vợ chồng ly thân từ tháng 02/2022, chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh N1. Tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh N1 đã đến mức trầm trọng, thực tế không còn sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc chị N yêu cầu ly hôn anh N1 là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị N.

[2.2]. Về con chung:

Xét yêu cầu của chị N về việc được trực tiếp nuôi con chung là cháu Đình Lê Hoàng Th, sinh ngày 23/12/2021.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại cháu Th đang còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, chị N hiện là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th, chị N có chỗ ở, thu nhập ổn định, việc giao cháu Th cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đảm bảo sự ổn định, phát triển mọi mặt của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N, cho chị Lê Thị N ly hôn anh Đinh Hoàng N1.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Đinh Lê Hoàng Th, sinh ngày 23/12/2021 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về quyền thăm nom con: Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị N, anh N1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008724 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- UBND xã Ia Hrug;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trọng Việt Anh

